

CHÍNH PHỦ
Số: 166/1999/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH

Về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Các tổ chức tín dụng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức tín dụng phải thực hiện công khai tài chính.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán của các tổ chức tín dụng.

Điều 4. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính đối với các tổ chức tín dụng, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 5. Vốn hoạt động của tổ chức tín dụng gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ;
2. Vốn đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản do Nhà nước cấp (nếu có);
3. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
4. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
5. Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ cho các quỹ ;
6. Vốn đi vay dưới các hình thức tiền gửi của các cá nhân, tổ chức kinh tế, phát hành các giấy tờ có giá, vay các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, vay Ngân hàng Nhà nước;
7. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tín dụng phải đảm bảo duy trì mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định do Chính phủ quy định cho từng loại hình tổ chức tín dụng. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, tổ chức tín dụng phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.

Điều 7.

1. Tổ chức tín dụng được sử dụng vốn hoạt động để phục vụ kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn. Khi sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, tổ chức tín dụng chỉ được sử dụng không quá 50% vốn tự có và phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.
2. Tổ chức tín dụng được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.
3. Việc điều động vốn, tài sản giữa các đơn vị thành viên của tổ chức tín dụng do Tổng giám đốc (Giám đốc) thực hiện trên cơ sở phương án được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 8.

1. Tổ chức tín dụng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các tổ chức kinh tế trong nước, nhưng không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
3. Trường hợp góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các chủ đầu tư nước ngoài, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Điều 9. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị định này.
2. Duy trì đầy đủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
3. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia tổ chức Bảo hiểm tiền gửi hoặc Bảo toàn tiền gửi để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các tổ chức tín dụng.
5. Được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh các khoản dự phòng sau:
 - a) Dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng. Mức trích lập và sử dụng khoản dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính;
 - b) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
 - c) Dự phòng giảm giá chứng khoán.

Điều 10. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

1. Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a) Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo định kỳ và khi kết thúc năm tài chính. Xác định chính xác số tài sản thừa, thiếu, tình hình công nợ, nợ quá hạn, nợ không thu hồi được; xác định nguyên nhân và trách nhiệm xử lý;

b) Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Thực hiện cổ phần hoá hoặc đa dạng hoá hình thức sở hữu;

d) Dùng tài sản để liên doanh, góp vốn cổ phần hoặc thu hồi tài sản khi liên doanh chấm dứt hoạt động.

2. Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của tổ chức tín dụng.

Điều 11. Tổ chức tín dụng thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định như đối với các doanh nghiệp. Tổ chức tín dụng được sử dụng số khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho các yêu cầu kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Khi bị tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể và cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định của pháp luật.

4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí bất thường trong kỳ.

Điều 13.

1. Tổ chức tín dụng được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền quản lý của tổ chức tín dụng theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật.

2. Khi tổ chức tín dụng cho thuê, thế chấp, cầm cố những tài sản thuộc công nghệ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của cả hệ thống, thì phải được Ngân hàng Nhà nước đồng ý bằng văn bản.

Điều 14.

1. Tổ chức tín dụng được nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn. Đối với những tài sản thuộc công nghệ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của cả hệ thống, khi nhượng bán phải được Ngân hàng Nhà nước đồng ý bằng văn bản.

2. Khi nhượng bán tài sản, tổ chức tín dụng phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá trong trường hợp pháp luật quy định phải tổ chức đấu giá.

3. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản nhượng bán và chi phí nhượng bán tài sản được hạch toán vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Điều 15.

1. Tổ chức tín dụng được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng. Đối với những tài sản thuộc công nghệ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của cả hệ thống, khi thanh lý phải được Ngân hàng Nhà nước đồng ý bằng văn bản.

2. Khi thanh lý tài sản, tổ chức tín dụng phải thành lập Hội đồng thanh lý, trường hợp bán tài sản thanh lý phải tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật.

3. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý tài sản với giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Chương 3:

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Điều 16. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ